

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên yêu cầu về các sản phẩm đầu ra được nêu tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT, Chủ đầu tư phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ;
- Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc;
- Tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ;
- Mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và phương pháp thực hiện;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ;
- Tiến độ thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT;
- Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động (nếu có);
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì (nếu có);
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có): các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) như: việc sử dụng các vật tư, vật liệu; biện pháp tổ chức thi công; dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);
- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;
- Trường hợp cần yêu cầu về xuất xứ vật tư, vật liệu, nguyên liệu phục vụ cho gói thầu dịch vụ phi tư vấn thì Chủ đầu tư quy định xuất xứ của vật tư, vật liệu, nguyên liệu theo nhóm nước, vùng lãnh thổ quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Đấu thầu. Nhà thầu phải chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu theo đúng yêu cầu về xuất xứ hoặc xuất xứ Việt Nam, kể cả trong trường hợp xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà Chủ đầu tư yêu cầu không có Việt Nam; nhà thầu chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu không có xuất xứ theo yêu cầu của E-HSMT hoặc không phải xuất xứ Việt Nam thì sẽ bị loại. Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu xuất xứ Việt Nam theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 của Luật Đấu thầu thì nhà thầu chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu không phải là xuất xứ Việt Nam sẽ bị loại;
- Các yếu tố cần thiết khác.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| TT | Nội dung yêu cầu | Tiêu chuẩn đánh giá | |
|----|--|---------------------|----------------------|
| | | Đạt | Không đạt |
| 1 | Tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ | | |
| | Có thuyết minh tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ hợp lý. | Đáp ứng đầy đủ | Không đáp ứng đầy đủ |
| 2 | Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc | | |
| | Có thuyết minh hiểu biết về tính chất và mục đích công việc phù hợp với quy mô, tính chất của gói thầu. | Đáp ứng đầy đủ | Không đáp ứng đầy đủ |
| 3 | Tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ: | | |
| | - Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ của gói thầu khoa học, hợp lý, khả thi đáp ứng toàn bộ các yêu cầu tại Chương V của E-HSMT. - Có kế hoạch, phương án bố trí và huy động nhân sự thực hiện toàn bộ các công việc của gói thầu đáp ứng toàn bộ các yêu cầu tại Chương V của E-HSMT. | Đáp ứng đầy đủ | Không đáp ứng đầy đủ |

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ Khoản 3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm.

| TT | Nội dung yêu cầu | Tiêu chuẩn đánh giá | |
|----------|---|---------------------|-----------------------|
| | | Đạt | Không đạt |
| | - Có cam kết đáp ứng theo yêu cầu mục 3.3 tại Chương V của E-HSMT | | |
| 4 | Mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và phương pháp thực hiện | | |
| 4.1 | - Trường hợp nhà thầu là đơn vị trực tiếp xét nghiệm phải có Giấy phép hoạt động theo quy định hiện hành. - Trường hợp nhà thầu không trực tiếp xét nghiệm, thì nhà thầu phải có tài liệu chứng minh có quan hệ đối tác (hợp đồng còn hiệu lực hoặc tài liệu khác tương đương) với đơn vị trực tiếp xét nghiệm có Giấy phép hoạt động theo quy định hiện hành. | Đáp ứng đầy đủ | Không đáp ứng đầy đủ |
| 4.2 | Tiêu chuẩn phòng thí nghiệm: Nhà thầu cung cấp hồ sơ Chứng nhận tham gia ngoại kiểm. | Đáp ứng đầy đủ | Không đáp ứng đầy đủ |
| 4.3 | Đề xuất nhân sự và tài liệu chứng minh đáp ứng mục 3.2 tại Chương V của E-HSMT | Đáp ứng đầy đủ | Không đáp ứng đầy đủ |
| 5 | Tiến độ thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT | | |
| | - Nhà thầu cam kết cung cấp dịch vụ trong vòng 12 tháng | Đáp ứng yêu cầu | Không đáp ứng yêu cầu |
| 6 | Uy tín của trong việc tham gia dự thầu gói thầu của nhà thầu theo Nghị định 214/2025/NĐ-CP | | |
| 6.1 | Nhà thầu có cam kết chưa từng vi phạm một trong các hành vi sau: a) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời đối chiếu tài liệu; | Đáp ứng yêu cầu | Không đáp ứng yêu cầu |

| TT | Nội dung yêu cầu | Tiêu chuẩn đánh giá | |
|----|--|---------------------|-----------|
| | | Đạt | Không đạt |
| | <p>b) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc đã tiến hành nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 45 của Nghị định này;</p> <p>c) Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung hoặc không ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định này;</p> <p>d) Nhà thầu đã ký thỏa thuận khung nhưng không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng.</p> <p>đ) Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;</p> <p>e) Nhà thầu không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không nộp tiền mặt, séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định của pháp luật về đấu thầu;</p> <p>g) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng;</p> <p>h) Nhà thầu từ chối hoặc không xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư mời nhà thầu xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc đã trúng thầu nhưng không thực hiện theo cam kết trong đơn dự thầu đối với chào giá trực tuyến rút gọn;</p> | | |

| TT | Nội dung yêu cầu | Tiêu chuẩn đánh giá | |
|-----|--|---------------------|-----------------------|
| | | Đạt | Không đạt |
| | <p>- Đối với nhà thầu có hành vi vi phạm một trong các hành vi nêu trên, nhà thầu phải có văn bản nêu rõ hành vi vi phạm, và phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu đối với nhà thầu khác trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện hành vi này.</p> <p>- Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có hành vi vi phạm một trong các hành vi nêu trên phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị bảo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận trong liên danh trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện hành vi này.</p> | | |
| 6.2 | <p>Kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu phi tư vấn của nhà thầu:</p> <p>Nhà thầu có cam kết đối với các hợp đồng phi tư vấn đã thực hiện trong vòng 05 năm gần đây:</p> <p>a) Không có hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu.</p> <p>b) Không có trường hợp vi phạm hợp đồng dẫn đến chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu.</p> <p>(Từng thành viên trong liên danh phải đáp ứng yêu cầu này)</p> | Đáp ứng yêu cầu | Không đáp ứng yêu cầu |